

Chi tiết mã HS 8708.30.30

Mã HS	8708.30.30
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Phanh và trợ lực phanh; bộ phận của nó: / - - Phanh trống, phanh đĩa hoặc phanh hơi cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 19:35:28
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/87083030/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17447
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17447
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17447
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID, PH, TH, CN)	0% (trừ ID, PH, TH, CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1,2	1,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1,2	1,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0/1,8; M: 0/2,7	0/1,8; M: 0/2,7	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E16761
ATIGA	2022	2022	0	AT!E16690
ATIGA	2023	2023	0	AT!F16690
ATIGA	2024	2024	0	AT!G16690
ATIGA	2025	2025	0	AT!H16690
ATIGA	2026	2026	0	AT!I16690
ATIGA	2027	2027	0	AT!J16690
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E16746
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	3	AJ!F16746
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	3	AJ!G16746

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	3	AJ!H16746
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	3	AJ!I16746
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	3	AJ!J16746
VJEPa	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E16747
VJEPa	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F16747
VJEPa	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G16747
VJEPa	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H16747
VJEPa	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I16747
VJEPa	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J16747
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F16748
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H16707
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F16704
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G16704
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H16704
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I16704
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J16704
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K16704
VKFTA	2022	2022	5	VK!E16746
VKFTA	2023	2023	5	VK!F16746
VKFTA	2024	2024	5	VK!G16746
VKFTA	2025	2025	5	VK!H16746
VKFTA	2026	2026	5	VK!I16746
VKFTA	2027	2027	5	VK!J16746
VCFTA	2022	2022	3	VC!D16812
VCFTA	2023	2023	3	VC!E16812
VCFTA	2024	2024	0	VC!F16812

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G16812
VCFTA	2026	2026	0	VC!H16812
VCFTA	2027	2027	0	VC!I16812
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D16788
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E16788
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F16788
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G16788
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H16788
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I16788
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D16783
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E16783
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F16783
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G16783
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H16783
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I16783
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D16803
EVFTA	2023	2023	5	EV-NK!E16803
EVFTA	2024	2024	3,7	EV-NK!F16803
EVFTA	2025	2025	2,5	EV-NK!G16803
EVFTA	2026	2026	1,2	EV-NK!H16803
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I16803
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D16802
UKVFTA	2023	2023	5	UKV!E16802
UKVFTA	2024	2024	3,7	UKV!F16802
UKVFTA	2025	2025	2,5	UKV!G16802
UKVFTA	2026	2026	1,2	UKV!H16802

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I16802
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)		CPTPP!16810
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)		CPTPP!16810
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)		CPTPP!16810
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)		CPTPP!16810
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)		CPTPP!16810
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)		CPTPP!16810
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)		CPTPP!16810
RCEP A	2022	2022	10	RCEPT-A!D16773
RCEP A	2023	2023	10	RCEPT-A!E16773
RCEP A	2024	2024	10	RCEPT-A!F16773
RCEP A	2025	2025	10	RCEPT-A!G16773
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H16773
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I16773
RCEP B	2022	2022	10	B!D16773
RCEP B	2023	2023	10	B!E16773
RCEP B	2024	2024	10	B!F16773
RCEP B	2025	2025	10	B!G16773
RCEP B	2026	2026	10	B!H16773
RCEP B	2027	2027	10	B!I16773
RCEP C	2022	2022	*	C!D16771
RCEP C	2023	2023	*	C!E16771
RCEP C	2024	2024	*	C!F16771
RCEP C	2025	2025	*	C!G16771
RCEP C	2026	2026	*	C!H16771
RCEP C	2027	2027	*	C!I16771

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	10	D!D16770
RCEP D	2023	2023	10	D!E16770
RCEP D	2024	2024	10	D!F16770
RCEP D	2025	2025	10	D!G16770
RCEP D	2026	2026	10	D!H16770
RCEP D	2027	2027	10	D!I16770
RCEP E	2022	2022	10	E!D16774
RCEP E	2023	2023	10	E!E16774
RCEP E	2024	2024	10	E!F16774
RCEP E	2025	2025	10	E!G16774
RCEP E	2026	2026	10	E!H16774
RCEP E	2027	2027	10	E!I16774
RCEP F	2022	2022	10	F!D16773
RCEP F	2023	2023	10	F!E16773
RCEP F	2024	2024	10	F!F16773
RCEP F	2025	2025	10	F!G16773
RCEP F	2026	2026	10	F!H16773
RCEP F	2027	2027	10	F!I16773
VIFTA	2024	2024	9	VI!F15724
VIFTA	2025	2025	8	VI!G15724
VIFTA	2026	2026	7	VI!H15724
VIFTA	2027	2027	6	VI!I15724

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 10%, RCEP (Phụ lục B) 10%, RCEP (Phụ lục D) 10%, RCEP (Phụ lục E) 10%, RCEP (Phụ lục F) 10%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cần nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8708.30 có 5 dòng thuế; dòng 8708.30.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Phanh trống, phanh đĩa hoặc phanh hơi cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04.	8708.30.10 Dừng cho xe thuộc nhóm 87.01; 8708.30.21 Phanh trống, phanh đĩa hoặc phanh hơi; 8708.30.29 Loại khác; 8708.30.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cần nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8708.30.30 có mã Chương 98 tương ứng 9849.34.33 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - - Phanh trống, phanh đĩa hoặc phanh hơi cho xe thuộc nhóm 87.02 hoặc 87.04	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8708.30.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8708.30.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17447), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.